

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2017/HS-ST
Ngày: 23/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Quang Khải

Bà: Bạc Thị Kiên

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Minh Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2017/TLHS-ST ngày 12 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2017/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Quàng Văn T**; tên gọi khác: Không; sinh năm: 1987 tại Điện Biên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Bản Na Tông 2, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 4/12 phổ thông; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Tòng Văn M và bà: Lò Thị S; bố dượng: Quàng Văn T1; có vợ là: Lương Thị P và 02 con, con lớn 7 tuổi, con nhỏ 4 tuổi; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và xử phạt vi phạm hành chính; bị tạm giam từ ngày 07/8/2017 cho đến ngày xét xử (có mặt).

*** Người bị hại:** Anh Lò Văn C - sinh năm 1982; địa chỉ: Bản Pa Kín 2, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Lò Văn C1 - sinh năm 1950; địa chỉ: Bản Pa Kín 1, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

*** Người làm chứng:**

- Anh Lò Duy T2, sinh năm 1986; địa chỉ: Bản Pa Kín 2, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

- Anh Lò Văn N, sinh năm 1995; địa chỉ: Bản Pa Kín 1, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

- Chị Vi Thị T3, sinh năm 1994; địa chỉ: Bản Pa Kín 1, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

- Chị Quàng Thị X, sinh năm 1988; địa chỉ: Bản Pa Kín 1, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 28/01/2017 Quàng Văn T điều khiển xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 27H2-1445 đi từ bản Na Tông 1, xã N, huyện Đ về nhà ở bản Na Tông 2, xã N, huyện Đ (hướng Núa Ngam đi Huổi Puốc) trong tình trạng say rượu, không đội mũ bảo hiểm và không có giấy phép lái xe. Khi đi đến km 13+200 Quốc lộ 279C thuộc bản Na tông 1, xã N, huyện Đ do không làm chủ được tay lái, Quàng Văn T điều khiển xe đi sang phần đường bên trái theo chiều đi của mình nên đã va chạm với xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 27B1-506.76 do anh Lò Văn C điều khiển đi ngược chiều và đi đúng phần đường bên phải. Sau khi tai nạn xảy ra Quàng Văn T và Lò Văn C đều bị thương nặng, được quần chúng nhân dân đưa đi Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên cấp cứu và điều trị.

Hồi 17 giờ 54 phút ngày 28/01/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành đo, xác định nồng độ cồn trong khí thở của Quàng Văn T là: 0,552mg/lít khí thở.

Tại bản Giám định pháp y về thương tích số 09/TgT và số 10/TgT ngày 18/3/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Điện Biên kết luận: Lò Văn C có tỉ lệ tổn thương cơ thể do tai nạn giao thông gây lên là 80%; Quàng Văn T có tỉ lệ tổn thương cơ thể do tai nạn giao thông gây lên là 55%.

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện: Hiện trường nơi xảy ra vụ tai nạn là đoạn đường thẳng, mặt đường làm bằng bê tông rộng 5,6m; lấy mép đường bên phải theo hướng Núa Ngam - Huổi Puốc làm chuẩn, lề đường bên trái là 0,7 mét, lề đường bên phải là 0,65 mét; lấy km13+200 Quốc lộ 279C làm mốc. Tại hiện trường ghi nhận 08 dấu vết: vị trí 1 là vết lốp + mặt sắt nằm trên mặt đường bên trái, được xác định là vị trí va đâm, điểm đầu cách mép đường làm chuẩn 3,6 mét, điểm cuối là 3,3 mét; các vị trí từ 2 đến 8 đều nằm trên phần đường bên trái hướng Núa Ngam - Huổi Puốc.

Kết quả giám định phương tiện đã xác định: Xe mô tô biển kiểm soát 27H2-1445: gương chiếu hậu bên trái bị gãy rời khỏi xe, đèn pha cốt bị vỡ rời khỏi xe, đèn tín hiệu bên trái phía trước bị vỡ rời khỏi xe, chắn bùn phía trước bị cong gập biến dạng, vành trước bị cong gập biến dạng, toàn bộ nan hoa bị tụt khỏi vị trí ban đầu, sãm xe trước hết hơi. Xe mô tô biển kiểm soát 27B1-506.76: cánh yếm bên trái phía trên có vết trượt vỡ nhựa, gãy chốt hãm, cản gương chiếu hậu bên trái bị

vỡ kim loại, mặt nạ phía trước bên trái có vết trượt nhựa hướng từ trên xuống dưới, để chân chính bên phải bị cong hướng từ dưới lên trên.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận số 03 ngày 09/3/2017: Giá trị thiệt hại tài sản của xe mô tô biển kiểm soát 27B1-506.76 là: 475.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 183/QĐ-VKS-HS ngày 11/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố Quảng Văn T về tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ Điểm a, b Khoản 2 Điều 202; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Quảng Văn T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Căn cứ Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1 Điều 584, Khoản 1 Điều 585, Điều 586, Khoản 1 Điều 589, Điều 590 của Bộ luật Dân sự: Công nhận sự thỏa thuận về bồi thường dân sự giữa bị cáo và người bị hại cụ thể: Bị cáo Quảng Văn T phải bồi thường thiệt hại sức khỏe và tài sản cho Lò Văn C với tổng số tiền là: 145.876.000 đồng, khấu trừ 5.000.000 đồng bị cáo đã bồi thường; số tiền còn phải bồi thường là: 140.876.000 đồng.

- Căn cứ Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Quảng Văn T khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản Cáo trạng đã truy tố và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát; tại lời nói sau cùng bị cáo xin được hưởng mức hình phạt thấp nhất để sớm được trở về hòa nhập cộng đồng và cải tạo thành công dân tốt.

Người bị hại Lò Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn C1 yêu cầu Tòa án xét xử về tội danh và hình phạt đối với bị cáo theo quy định của pháp luật; đồng thời yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại về các khoản tiền bồi thường thiệt hại sức khỏe và tài sản gồm: Chi phí cứu chữa và điều trị, tiền thuốc, tiền viện phí, tiền bồi dưỡng và phục hồi sức khỏe, tiền mất thu nhập, tiền tổn thất tinh thần, tiền sửa chữa xe máy với tổng số tiền là: 145.876.000 đồng (một trăm bốn mươi năm triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Khoảng 13 giờ ngày 28/01/2017 tại km13+200 Quốc lộ 279C thuộc địa phận bản Na Tông 1, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện

Biên, Quảng Văn T điều khiển xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 27H2-1445 tham gia giao thông khi trong máu có nồng độ cồn là 0,552mg/1 lít khí thở, không có giấy phép lái xe và không đội mũ bảo hiểm theo quy định; Tâm không làm chủ được tốc độ và tay lái nên điều khiển xe đi sang làn đường bên trái theo chiều đi của mình nên đã đâm vào xe mô tô hai bánh do anh Lò Văn C điều khiển, gây thiệt hại về sức khỏe cho anh C với tỉ lệ thương tích cơ thể là 80% (tám mươi phần trăm) và gây thiệt hại về tài sản cho anh C có giá trị là 475.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Tại hiện trường ở thời điểm xảy tai nạn đường thẳng, khô ráo, thời tiết tốt, tầm nhìn không bị hạn chế; điểm va chạm ở vị trí bên trái đường theo chiều đi của Quảng Văn T.

Qua xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Quảng Văn T khai nhận hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố; lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và của những người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác. Do đó có đủ căn cứ để xác định nguyên nhân chính gây tai nạn giao thông là do: Quảng Văn T khi tham gia giao thông thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên đã vi phạm các quy định của Luật giao thông đường bộ, cụ thể:

Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm

"...8. Điều khiển xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn.

Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở.

9. Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định".

Điều 9. Nguyên tắc C

"1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ..."

Điều 30. Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy

"...2. Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy phải đội mũ bảo hiểm có cài quai đúng quy cách".

Điều 58. Điều kiện của người lái xe tham gia giao thông

"1. Người lái xe tham gia giao thông phải đủ độ tuổi, sức khỏe quy định tại Điều 60 của Luật này và có giấy phép lái xe phù hợp với các loại xe được phép điều khiển do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp".

Hành vi của bị cáo đã vi phạm vào các quy định của Luật Giao thông đường bộ như đã nêu trên nên đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe của anh Lò Văn C (tổn thương cơ thể do tai nạn giao thông là 80%). Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ và xâm phạm đến sự an toàn về sức khỏe, tài sản của người khác.

Bị cáo phạm tội với lỗi vô ý; nhận thức và hiểu biết về luật giao thông đường bộ nhưng không chấp hành nên đã gây tai nạn, hậu quả xảy ra là ngoài mong muốn chủ quan của bị cáo.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, Lò Văn Tâm là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Từ những phân tích trên, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên truy tố Quảng Văn T về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo Điểm a, b Khoản 2 Điều 202 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

Điều 202 của Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

a) Không có giấy phép hoặc bằng lái xe theo quy định;

b) Trong tình trạng có sử dụng rượu, bia mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá mức quy định hoặc có sử dụng các chất kích thích mạnh khác mà pháp luật cấm sử dụng".

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quảng Văn T học hết lớp 4/12 phổ thông thì bỏ học ở nhà làm ruộng và xây dựng gia đình; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong vụ tai nạn này bị cáo cũng bị tổn hại sức khỏe 55%; quá trình điều tra bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại một phần cho gia đình người bị hại; tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm b, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, trong quá trình điều tra được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú nhưng không chấp hành mà bỏ trốn khỏi nơi cư trú, gây khó khăn cho công tác điều tra nên cần thiết áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra; đồng thời nhằm răn đe phòng ngừa C.

[4] Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo quy định tại Khoản 5 Điều 202 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tai nạn xảy ra đã làm cho anh Lò Văn C bị chấn thương sọ não nặng, phải điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Điện Biên 3 đợt. Trong quá trình điều tra, gia đình bị cáo Quảng Văn T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại một phần cho người bị hại với số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo Quảng Văn T và người bị hại Lò Văn C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn C1 (bố đẻ của C) đã thỏa thuận được với nhau về các khoản bồi thường dân sự và yêu cầu Tòa án công nhận. Xét thấy sự thỏa thuận đó là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và hoàn toàn phù hợp với các quy định tại Khoản 1 Điều 584, Khoản 1 Điều 585, Điều 586, Khoản 1 Điều 589, Điều 590 của Bộ luật Dân sự nên

cần được chấp nhận; công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại về các khoản tiền bị cáo phải bồi thường cho anh Lò Văn C như sau:

- Tiền viện phí và tiền thuốc (theo các hóa đơn, chứng từ có trong hồ sơ vụ án) là: 22.901.000 đồng (hai mươi hai triệu, chín trăm linh một nghìn đồng).

- Tiền bồi dưỡng và phục hồi sức khỏe (trong thời gian nằm viện điều trị và sau khi ra viện tính từ tháng 5/2017 đến tháng 12/2017) là: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Thu nhập thực tế của anh Lò Văn C bị mất từ tháng 02/2017 đến tháng 12/2017 (căn cứ vào mức lương trong Hợp đồng lao động và Bảng lương tháng 12/2016 và 01/2017 của Công ty trách nhiệm hữu hạn Xuân Lộc - Điện Biên) là: 8.000.000 đồng x 11 tháng = 88.000.000 đồng (tám mươi tám triệu đồng).

- Tiền công chăm sóc và tiền mất thu nhập của ông Lò Văn C1 trong thời gian chăm sóc anh C tại bệnh viện (trong 3 đợt điều trị = 1 tháng) là: 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

- Tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần cho anh C (tính bằng 15 tháng lương cơ sở) là: 19.500.000 đồng (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

- Tiền bồi thường thiệt hại tài sản (xe máy biển kiểm soát 27B1-506.76) là: 475.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Tổng cộng các khoản tiền bị cáo Quảng Văn T phải bồi thường thiệt hại cho anh Lò Văn C là: 145.876.000 đồng (một trăm bốn mươi năm triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng); trừ số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường là: 5.000.000 đồng. Số tiền còn lại Quảng Văn T phải bồi thường cho anh Lò Văn C là: **140.876.000 đồng** (Một trăm bốn mươi triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

[7] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Lò Văn C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Quảng Văn T chậm thực hiện nghĩa vụ đối với khoản tiền phải bồi thường nêu trên thì bị cáo còn phải trả tiền lãi suất cho anh C theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[8] Về vật chứng: Xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 27B1-506.76 là của Lò Văn C, sau khi xác định giá trị thiệt hại, cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh C; xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 27H2-1445 là xe của bị cáo, sau khi tai nạn bị hư hỏng một số bộ phận, cơ quan điều tra đã trả lại xe cho bị cáo. Xét thấy việc trao trả tài sản của cơ quan điều tra là đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Quảng Văn T thuộc hộ nghèo và là dân tộc thiểu số sống ở xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới theo Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời bị cáo có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Điều 14; Khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điểm a, b Khoản 2 Điều 202; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Quảng Văn T phạm tội "*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*".

- Xử phạt bị cáo Quảng Văn T **03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (07/8/2017).

2. Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1 Điều 584, Khoản 1 Điều 585, Điều 586, Khoản 1 Điều 589, Điều 590 của Bộ luật Dân sự: Công nhận sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại sức khỏe, tài sản giữa bị cáo Quảng Văn T với người bị hại Lò Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lò Văn C1 như sau:

Bị cáo Quảng Văn T phải bồi thường thiệt hại sức khỏe và tài sản cho anh Lò Văn C các khoản tiền sau đây:

- Tiền viện phí và tiền thuốc: 22.901.000 đồng (hai mươi hai triệu, chín trăm linh một nghìn, một trăm năm mươi tư đồng)

- Tiền bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe: 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

- Tiền mất thu nhập của anh C: 88.000.000 đồng (tám mươi tám triệu đồng).

- Tiền thu nhập thực tế bị mất của ông Lò Văn C1: 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

- Tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần: 19.500.000 đồng (mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

- Tiền bồi thường thiệt hại tài sản (xe máy): 475.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

Tổng cộng là: 145.876.000 đồng (một trăm bốn mươi năm triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng); khấu trừ số tiền gia đình bị cáo đã bồi thường là: 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Như vậy, số tiền còn lại bị cáo Quảng Văn T phải bồi thường cho anh Lò Văn C là: **140.876.000 đồng** (*Một trăm bốn mươi triệu, tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của anh Lò Văn C, nếu bị cáo Quảng Văn T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với khoản tiền phải bồi thường nêu trên thì hàng tháng bị cáo còn phải trả tiền lãi suất cho anh C theo quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điểm d Khoản 1 Điều 12; Điều 14; Khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Quảng Văn T.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo và Người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/11/2017).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/11/2017).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Nhà tạm giữ CA huyện ĐB;
- Chi cục THADS huyện ĐB;
- Toà án tỉnh Điện Biên;
- Đội HSNV Công an huyện ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Sở Tư pháp;
- Lưu VP TA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHÂN TÒA**

Hoàng Thị Hòa